

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 10 – 4 – 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

2. Ông Nguyễn Thanh Tiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Tuấn Khanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 405/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Anh N, sinh năm 1982.

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 31, ấp BH, xã L, huyện X, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: KV2, P4, thành phố V tỉnh Hậu Giang (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Đức P, sinh năm 1988. Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 31, ấp BH, xã L, huyện X, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 9 năm 2017, nguyên đơn chị N trình bày như sau: Chị N và anh P, được sự mai mối của hai bên gia đình, quen biết và yêu thương nhau. Đến năm 2003 tiến tới hôn nhân, có đến Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Vị Thanh để làm tờ khai đăng ký kết hôn vào ngày 18/02/2003 nhưng vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống do anh P thường uống rượu, bạo hành, đánh đập chị N, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống, chị N yêu cầu được ly hôn với anh P. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên PHẠM NN sinh ngày 09/02/2004, yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, anh P có bản tự khai trình bày ý kiến: Thống nhất thời gian chung sống, vợ chồng làm tờ khai đăng ký kết hôn

nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Anh P đồng ý ly hôn với chị N, thống nhất có 01 con chung tên PHạm NN sinh ngày 09/02/2004, tùy nguyện vọng của con muốn sống với cha hoặc với mẹ; về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không có.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là Phạm Đức P có đơn xin vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa là thực hiện đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị N và anh P chung sống với nhau, mặc dù có thực hiện tờ khai đăng ký kết hôn nhưng thực tế chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, chị N và anh P chung sống nhưng không đăng ký kết hôn là không đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy, thời gian chung sống cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị N giữ yêu cầu xin ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và ông P.

+ Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên PHạm NN sinh ngày 09/02/2004; con chung đang được chị N trực tiếp nuôi, nguyện vọng của con là được sống với chị N. Đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Phạm Nhựt Nam cho chị N trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng cho con, tại phiên tòa chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Phạm Đức P; yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con, tùy khả năng anh P muốn cấp dưỡng cho con thì anh P cấp dưỡng. Về quan hệ tài sản chung, quan hệ nợ chung: Không có.

- Bị đơn là anh Phạm Đức P: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị N và anh P đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp BH, xã L, huyện X, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh Phạm Đức P có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 18 tháng 12 năm 2017. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của chị N và anh P đều thống nhất có làm tờ khai đăng ký kết hôn nhưng thực tế không nộp lại tờ khai đăng ký nên chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do vậy, việc chị N và anh P chung sống vào năm 2003 và chưa đăng ký kết hôn là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Xét thấy, chị N và anh P có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đồng thời, anh P có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N, cả hai không còn tình cảm nên không thể tiếp tục chung sống. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Anh N với anh Phạm Đức P.

- Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, thống nhất có 01 con chung tên PHạm NN sinh ngày 09/02/2004, hiện con chung đang do chị N trực tiếp nuôi. Nhận thấy, chị N đảm bảo điều kiện nuôi con, nguyện vọng của con được sống chung với chị N. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Phạm Nhựt Nam cho chị N trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng cho con, chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh P thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0017253 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 3; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Anh N với anh Phạm Đức P.

- Về quan hệ con chung: Chị N được trực tiếp nuôi con chung tên PHẠM NN sinh ngày 09 tháng 02 năm 2004. Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh P thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trương Thị Anh N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0017253 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến Anh